

Bản án số: 117/2023/HS-ST
Ngày: 28-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Lộc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Hải và bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Man Anh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo:

Hoàng Văn T, sinh năm 2000, tại tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKKHKT: xóm B, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Triệu Thùy Y và 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Hoàng Văn T 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo không bị giam, giữ trong vụ án này, hiện đang chấp hành án tại Trại giam T2, Cục C1, Bộ C2. Có mặt.

- Bị hại: Chị Lê Thị Phương T1, sinh năm: 2006; địa chỉ: xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của chị Lê Thị Phương T1: ông Lê Văn N, sinh năm: 1969; địa chỉ: xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (là bố đẻ của chị T1). Vắng mặt.

- Người đại diện theo uỷ quyền của chị Lê Thị Phương T1: Ông Nguyễn Hồng Q,

sinh năm: 1972; địa chỉ: tổ dân phố A, phường M, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Dương Đình C; sinh năm: 1983; địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm: 1972; địa chỉ: tổ dân phố A, phường M, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Văn T có mối quan hệ quen biết với chị Lê Thị Phương T1 (sinh năm 2006; địa chỉ: xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình) hiện đang ở trọ tại tổ dân phố G, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Khoảng 9 giờ ngày 16/8/2022, chị T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, BKS 20AA-086.89 từ phòng trọ của chị T1 sang phòng trọ của T ở tổ dân phố D, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên để giúp T dọn dẹp phòng trọ. Trong quá trình dọn dẹp phòng, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị T1 để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. T đưa cho chị T1 số tiền 50.000 đồng rồi bảo chị T1 đi mua đồ ăn trưa. Khi chị T1 đi mua đồ ăn có để lại chiếc túi xách ở phòng trọ của T, sau đó T mở túi xách của chị T1 rồi lấy giấy đăng ký xe mô tô BKS 20AA-086.89. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì chị T1 đi mua đồ ăn về, cả hai cùng nhau ăn trưa tại phòng trọ của T. Sau khi ăn trưa xong, T điều khiển xe mô tô chở chị T1 về phòng trọ của chị T1 tại tổ dân phố G, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Sau đó, T hỏi chị T1 cho T mượn chiếc xe mô tô BKS 20AA-086.89 và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y11 màu xanh để đi lấy đồ, hẹn 30 phút sau quay lại thì được chị T1 đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô của chị T1 mang bán cho anh Dương Đình C (sinh năm: 1983; trú tại: xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên) được số tiền 5.000.000 đồng. T viết giấy bán xe và đưa toàn bộ giấy tờ xe cho anh C. Sau đó, T đi lên Lạng Sơn và tiếp tục bán chiếc điện thoại di động của chị T1 được số tiền 1.700.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán xe và điện thoại T đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đối với chiếc xe mô tô mua của T, sau khi biết được là tài sản của chị T1, anh C đã gặp và đưa thêm cho chị T1 số tiền 1.000.000 đồng rồi bảo chị T1 viết cho anh C 01 giấy mua bán xe nhằm mục đích hợp thức giao dịch mua bán trước đó. Chiếc xe này sau đó anh C đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận định giá số 80 ngày 07/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản thành phố P kết luận: 01 xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu ESPERO, BKS 20AA-086.89, màu sơn xanh có trị giá là 7.500.000 đồng. Tại công văn số 18 ngày 28/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản thành phố P trả lời: 01 điện thoại di động

nhãn hiệu Vivo Y11, màu xanh theo yêu cầu định giá do không thu hồi được nên không có cơ sở khảo sát giá trên thị trường. Mặt khác, do tài sản là hàng điện tử không thu hồi được nên không xác định được thông số hiện trạng cụ thể của tài sản nên không có cơ sở xác định giá trị tài sản.

Về vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, BKS 20AA-086.89, màu sơn xanh được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên; số tiền 1.000.000 đồng được chuyển đến tài khoản Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 20AA-086.89 chuyển lưu theo hồ sơ chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị Phương T1 không yêu cầu Hoàng Văn T bồi thường thiệt hại. Anh Dương Đình C đề nghị giải quyết phần dân sự theo quy định pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 69/CT-VKSPY ngày 20/3/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, vật chứng thu giữ.

Đại diện theo uỷ quyền của bị hại là ông Lê Hồng Q1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị hại 01 xe mô tô BKS 20AA-086.89 và giấy tờ xe để quản lý, sử dụng, đề nghị trả lại cho anh Dương Đình C số tiền 1.000.000 đồng mà cháu T1 đã nhận của anh C. Anh Dương Đình C, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết phần dân sự theo quy định pháp luật. Bị cáo đồng ý trả lại cho anh Dương Đình C số tiền 5.000.000 đồng là số tiền anh C phải bỏ ra để mua xe của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt Hoàng Văn T từ 15 đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo trả lại cho anh Dương Đình C số tiền 5.000.000 đồng. Trả lại cho anh Dương Đình C số tiền 1.000.000 đồng do chị Lê Thị Phương T1 đang tạm gửi tại Cơ quan điều tra Công an thành phố P.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại cho chị Lê Thị Phương T1 01 xe mô tô BKS 20AA-086.89 và giấy đăng ký xe để quản lý, sử dụng. Truy thu của bị cáo số tiền 1.700.000 đồng là tiền do bị cáo bán điện thoại của chị T1 mà có nhưng không thu hồi được.

Miễn án phí cho bị cáo. Bị cáo, bị hại, người đại diện của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm có cơ hội được trở về hòa nhập cộng đồng và thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 16/8/2022, tại tổ dân phố G, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, Hoàng Văn T đã dùng thủ đoạn gian dối, lừa đảo chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, BKS 20AA-086.89 có giá trị 7.500.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y11, màu xanh của chị Lê Thị Phương T1.

Hành vi, ý thức của bị cáo đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng số 69/CT-VKSPY ngày 20/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nội dung Điều 174 quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”.

[3] Xét các yếu tố về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng:

- Về nhân thân: Bị cáo xuất thân trong gia đình lao động thuần túy, được nuôi ăn học nhưng do lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội này bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Ngày 06/01/2023 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Hiện bị cáo đang chấp hành bản án này tại Trại Giam T2, Cục C1, Bộ C2. Hội đồng xét xử nhận định bị cáo là người có nhân thân xấu.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các yếu tố về nhân thân, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo. Xét thấy, mức án mà Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp được chấp nhận.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp, thu nhập nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, BKS 20AA-086.89 và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Hồng Q cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Thị Phương Thanh quản l, sử dụng.

Số tiền 1.700.000 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có nhưng đã tiêu xài cá nhân hết nên cần truy thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các giao dịch dân sự giữa Hoàng Văn T và anh Dương Đình C; chị Lê Thị Phương T1 và anh Dương Đình C đều là giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 117 và Điều 122 Bộ luật dân sự. Do vậy, cần buộc bị cáo trả lại cho anh Dương Đình C số tiền 5.000.000 đồng. Trả lại cho anh Dương Đình C số tiền 1.000.000 đồng là tiền chị Lê Thị Phương T1 đã tự nguyện nộp tại Cơ quan điều tra.

[7] Về án phí và chi phí tố tụng: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo có ý kiến xin miễn án phí nên xét miễn án phí cho bị cáo.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điều 47; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 122, Điều 131, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố:

1. Về tội danh: Bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T **15** (mười lăm) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 03/9/2022.

2.2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo trả lại cho anh Dương Đình C số tiền 5.000.000 đồng. Trả lại cho anh Dương Đình C số tiền 1.000.000 đồng là tiền chi Lê Thị Phương T1 đã tự nguyện nộp tại Cơ quan điều tra.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nói trên thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng: Trả lại cho chị Lê Thị Phương T1 01 xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, BKS 20AA-086.89, màu sơn xanh; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 20 003038 mang tên chủ xe Nguyễn Hồng Q, do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh T cấp ngày 16/3/2021.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố P và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phố Yên, Ủy nhiệm chi của Công an thành phố P.

4. Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phố Yên;
- Chi cục THADS TP. Phố Yên;
- Công an thành phố Phố Yên;
- Trại tạm giam CAT Thái Nguyên;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Xuân Lộc